

Số: 5063 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017

Kg: - Hiệu trưởng
- Khoa SĐH
- Khoa NN&VH Hà Nội Quốc

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc

03/01/2018

Tu

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho Trường Đại học Ngoại ngữ tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc từ năm 2018 theo đúng Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội và chương trình đào tạo đã được ban hành kèm theo các Quyết định số 1885/QĐ-ĐHQGHN và 1887/QĐ-ĐHQGHN ngày 06/06/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trường Ban Đào tạo, Trường Ban Kế hoạch Tài chính và Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VP, ĐT, T7.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sơn

Số: 1885 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc (chuyên ngành thí điểm).

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Giám đốc (để b/c)
- Lưu: VT, ĐT, T10.



Nguyễn Hồng Sơn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Chuyên ngành: Ngôn ngữ Hàn Quốc

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1885/QĐ-ĐHQGHN, ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: *Ngôn ngữ Hàn Quốc*

+ Tiếng Anh: *Korean Linguistics*

- Mã số chuyên ngành đào tạo: Chuyên ngành thí điểm

- Tên ngành:

+ Tiếng Việt: *Ngôn ngữ Hàn Quốc*

+ Tiếng Anh: *Korean Linguistics*

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Korean Linguistics

- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng nghiên cứu đặt trọng tâm đào tạo vào việc bồi dưỡng kiến thức về phương pháp nghiên cứu, phát triển khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy phê phán và hệ thống các kỹ năng nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực ngôn ngữ. Chương trình đào tạo ra những nhà chuyên môn có kiến thức lý thuyết nâng cao về ngôn ngữ học tiếng Hàn và các khoa học có liên quan; có kiến thức mở rộng và cập nhật về ngôn ngữ - văn hóa Hàn Quốc; có hiểu biết rộng về bối cảnh nghiên cứu và các vấn đề có liên quan



như yêu cầu về đạo đức nghiên cứu, tính bảo mật thông tin, bản quyền, chủ quyền tác giả, đạo văn... để vận dụng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc.

Bên cạnh đó, học viên cần có tính linh hoạt và có năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; có hiểu biết về môi trường chính trị- kinh tế - xã hội của địa phương, trong nước hay quốc tế; có kiến thức về xã hội văn hóa rộng; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, có khả năng xây dựng và phát triển các hướng nghiên cứu mới; tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành chuyên gia, các nhà quản lý, lãnh đạo trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

a) Về kiến thức:

Chương trình cung cấp kiến thức lý thuyết về Ngôn ngữ học tiếng Hàn (ở các lĩnh vực: Âm vị học, Từ và hoạt động của từ, Cú pháp học, Ngữ nghĩa học, Các hướng nghiên cứu chính về Ngữ dụng học v.v...) và các ngành khoa học có liên quan (như: Ngôn ngữ học đại cương, Những vấn đề cơ bản của Ngôn ngữ học đối chiếu, Những vấn đề cơ bản của Ngôn ngữ học xã hội, v.v...), mở rộng và cập nhật kiến thức về Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc (Giao tiếp liên văn hóa Hàn - Việt, Ngôn ngữ và văn hóa, Lịch sử tiếng Hàn, Văn học Hàn Quốc hiện đại.v.v...) để học viên có thể vận dụng một cách chủ động, sáng tạo vào việc nghiên cứu các vấn đề về Ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc (hay nghiên cứu đối chiếu, liên hệ với Ngôn ngữ và Văn hóa Việt Nam).

b) Về kỹ năng:

Chương trình phát triển hệ thống các kỹ năng học tập và nghiên cứu cụ thể, bao gồm kỹ năng xác lập mục tiêu, phạm vi nghiên cứu của đề tài, kỹ năng xây dựng phương pháp nghiên cứu, kỹ năng phát triển đề tài, kỹ năng thu thập và phân tích dữ liệu, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng sử dụng phần mềm hỗ trợ nghiên cứu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố sản phẩm nghiên cứu.

Ngoài ra, chương trình còn phát triển các kỹ năng nghiên cứu cụ thể như kỹ năng xác định và giải quyết các vấn đề nghiên cứu, kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu của bản thân và của những nhà nghiên cứu khác, kỹ năng tổng hợp, báo cáo tiến độ và kết quả nghiên cứu một cách độc lập và có tư duy phê phán, kỹ năng quản lý nghiên cứu và quản lý thời gian nghiên cứu một cách có hiệu quả trong

việc đặt ra những mục tiêu nghiên cứu, mốc thời gian cho các hoạt động nghiên cứu cụ thể, cách viết các báo cáo khoa học theo chuẩn mực quốc tế.

c) Về nghiên cứu:

Học viên tốt nghiệp có các phương pháp nghiên cứu phù hợp để độc lập thực hiện nghiên cứu các vấn đề về Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc: Ngữ nghĩa học tiếng Hàn, Đối chiếu ngôn ngữ Hàn - Việt, Giao tiếp liên văn hoá Hàn - Việt và các vấn đề chuyên môn khác. Học viên có năng lực tự định hình hướng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu để tiếp tục học tập và nghiên cứu xa hơn trong lĩnh vực Ngôn ngữ Hàn Quốc; có khả năng đánh giá, phát triển các khái niệm lí thuyết, hướng tới mục tiêu xây dựng và phát triển các đường hướng nghiên cứu ứng dụng mới phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước và thế giới.

d) Về phẩm chất chính trị:

Chương trình góp phần đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, tư tưởng tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Học viên tốt nghiệp chương trình có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về đạo đức nghiên cứu và về vai trò, trách nhiệm của người nghiên cứu đối với sự phát triển của kinh tế - văn hóa - xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh:


- Môn thi cơ bản: Ngôn ngữ Hàn Quốc
- Môn thi cơ sở: Năng lực sử dụng tiếng Hàn
- Môn Ngoại ngữ: Chọn một trong các ngoại ngữ Nga, Anh, Pháp, Trung, Đức, Nhật, hoặc Ả Rập.

3.2. Đối tượng tuyển sinh:

- a) Về văn bằng, chứng chỉ:
 - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.
 - Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, đã học bổ sung kiến thức.

b) Về kinh nghiệm công tác: không yêu cầu về kinh nghiệm công tác.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp và ngành gần:

- a) Danh mục ngành phù hợp: Su phạm tiếng Hàn, Hàn Quốc học. 

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung trong Đại học Quốc gia Hà Nội

- Nắm được kiến thức nền tảng chung về triết học, kiến thức chung về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, nhân sinh quan chân chính tiến bộ, thế giới quan khoa học tiên tiến, nhận thức đúng đắn về lí luận và đường lối chính trị của Đảng và nhà nước.

- Nắm được kiến thức cơ bản về một ngoại ngữ thứ hai ở mức bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- Học viên có kiến thức chuyên sâu và hệ thống về phương pháp nghiên cứu; Nắm vững các đường hướng, phương pháp, kĩ thuật, thủ thuật, thủ pháp và công cụ nghiên cứu Ngôn ngữ học ứng dụng; có kiến thức về các trường phái ngôn ngữ học.

- Học viên nắm vững một cách có hệ thống, am hiểu một cách sâu sắc và chính xác về các hiện tượng, các khái niệm, các quan hệ và các qui luật phát triển thuộc nhóm chuyên ngành và chuyên ngành đào tạo.

Kiến thức cơ sở:

Người học nắm vững kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và ngôn ngữ học; kiến thức hệ thống về âm vị tiếng Hàn, nhận biết cách nhận diện, phân tích thành phần âm thanh lời nói trong tiếng Hàn một cách chính xác; hiểu được về các bình diện ngôn ngữ, xác định khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ; nắm vững kiến thức chuyên môn về phương thức cấu tạo từ của tiếng Hàn và vận dụng được vào thực tiễn học tập và nghiên cứu tiếng Hàn, các kiến thức về hình vị, từ và các đơn vị ngôn ngữ liên quan, tiêu chuẩn phân chia và đặc điểm của các từ loại trong tiếng Hàn, đơn vị và phương thức cấu tạo từ trong tiếng Hàn...; hiểu một cách toàn diện các đặc điểm về từ vựng của tiếng Hàn; nắm vững kiến thức chuyên ngành ngữ pháp về câu trong tiếng Hàn gồm: cấu trúc câu, thành phần cấu tạo câu, mở rộng/rút gọn câu, các loại hình câu v.v...; hệ thống tri thức lí thuyết về các phương pháp nghiên cứu và quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu ngôn ngữ.

Ngoài ra, học viên có thêm kiến thức ngoại ngữ học thuật phù hợp với chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc.

Kiến thức chuyên ngành:

Người học nắm vững kiến thức chuyên môn về Ngữ nghĩa học; kiến thức chuyên ngành về Ngôn ngữ học xã hội; kiến thức chung về các phạm trù văn hóa, ngôn ngữ, phi ngôn ngữ trong các nền văn hóa, các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến hành vi, cách ứng xử của con người v.v...; nắm bắt được các đặc điểm cơ bản của mối quan hệ không thể tách rời giữa ngôn ngữ và văn hóa; nắm vững kiến thức chuyên môn về hình thái và cú pháp tiếng Hàn, vận dụng được vào thực tiễn sử dụng tiếng Hàn: ngữ pháp từ loại, cách và trợ từ; trợ từ đặc biệt trong tiếng Hàn, các dạng câu trong tiếng Hàn, vấn đề thời thể, bị động, sai khiến, v.v., vấn đề liên kết và bao hàm trong câu tiếng Hàn.v.v...

1.3. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn thạc sĩ trong Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng nghiên cứu công trình khoa học thể hiện mức độ nắm vững các kiến thức chuyên môn về lí thuyết, thực hành và kĩ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của học viên trong việc giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực ngôn ngữ và văn hóa Hàn Quốc.

Đề tài luận văn là một vấn đề khoa học cụ thể trong lĩnh vực Ngôn ngữ Hàn Quốc, ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Hàn hoặc đối chiếu ngôn ngữ được Tiểu ban Ngôn ngữ Hàn Quốc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Ngoại ngữ thông qua. Học viên thực hiện luận văn theo đề tài được giao dưới sự hướng dẫn của cán bộ được cơ sở đào tạo phân công.

Các kết quả của luận văn phải chứng tỏ được tác giả đã biết vận dụng phương pháp nghiên cứu và những kiến thức được trang bị trong quá trình học tập để xử lí đề tài nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả học tập và nghiên cứu của chính học viên thu được chủ yếu trong thời gian học, chưa được công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào của người khác. Luận văn phải thể hiện khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, tư duy phê phán, tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, đạo đức nghiên cứu và niềm đam mê nghiên cứu của học viên. Luận văn cần đáp ứng các yêu cầu của luận văn thạc sĩ đối với Chương trình đào tạo thạc sĩ chuẩn theo Quy chế đào tạo thạc sĩ tại ĐHQGHN.

2. Về kĩ năng

2.1. Về kĩ năng cứng

Kĩ năng nghề nghiệp: Có kĩ năng vận dụng các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phù hợp với ngành Tiếng Hàn và mọi công việc phát sinh liên quan tới ngành Tiếng Hàn với hiệu quả và tiến độ cao. Riêng về trình độ tiếng Hàn, học viên có thể sử dụng tốt tiếng Hàn ở trình độ C1 (theo khung tham chiếu châu Âu) tương đương với bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hay TOPIK cấp 5/6.

Khả năng tương đối độc lập, sáng tạo phát hiện và giải quyết vấn đề khoa học: Có khả năng tự phát hiện và lựa chọn nghiên cứu các đối tượng khoa học thuộc các lĩnh vực ngôn ngữ học tiếng Hàn, đối chiếu Ngôn ngữ Hàn -Việt, giao thoa văn hóa, v.v...; Có khả năng tự xây dựng kế hoạch nghiên cứu và tự thực hiện nghiên cứu các đề tài khoa học trong các lĩnh vực nói trên.

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc theo định hướng nghiên cứu chú trọng khả năng tự nghiên cứu và sáng tạo khoa học. Chương trình đặt trọng tâm đào tạo vào việc phát triển hệ thống kĩ năng nghiên cứu cụ thể của học viên bao gồm các kĩ năng nghiên cứu chính và các kĩ năng hỗ trợ nghiên cứu.

Kĩ năng ngoại ngữ thứ hai:

Có kĩ năng sử dụng cơ bản một ngoại ngữ thứ hai ở bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (tương đương mức B1 theo khung tham chiếu Châu Âu). Ngoài ra, học viên tốt nghiệp có trình độ ngoại ngữ học thuật để thực hiện tốt các công việc:

- Đọc và hiểu được tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học được trình bày theo những dạng thức cơ bản trong văn phong khoa học;

- Viết đoạn văn, bài tóm tắt về những tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học đã đọc;

- Viết những đoạn văn, bài luận học thuật trong chuyên môn thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học theo các dạng thức đã được học;

- Dịch viết xuôi, ngược một số câu, đoạn văn quan trọng, mấu chốt trong tài liệu khoa học thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Kỹ năng cá nhân:

- Có kỹ năng làm việc độc lập, chủ động với hiệu quả tối ưu để có khả năng sắp xếp thời gian, sức khỏe, công việc và điều kiện sinh hoạt một cách phù hợp nhất để thực hiện mọi nhiệm vụ học tập, nghiên cứu, công tác với chất lượng, số lượng và tiến độ cao nhất trong thực tiễn.

- Có khả năng hình thành, phát triển và duy trì mạng lưới nghiên cứu và các quan hệ nghiên cứu với cán bộ hướng dẫn, các học viên khác, đồng nghiệp trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu và trong các cộng đồng nghiên cứu.

2.2.2. Kỹ năng thuyết trình và tiếp nhận thông tin:

- Có kỹ năng truyền đạt và tiếp thụ kiến thức để có khả năng truyền bá, giảng dạy các kiến thức đã lĩnh hội hoặc tự mình phát hiện tại các diễn đàn khoa học, tới đông đảo độc giả và người học, và có khả năng chủ động tiếp cận và tích cực lĩnh hội các thông tin khoa học mới mẻ, các hướng nghiên cứu mới, các phương pháp mới....

2.2.3. Kỹ năng giao tiếp:

- Có kiến thức và kinh nghiệm thực hành một số kỹ năng vận dụng thực tế về văn hóa ứng xử, phép lịch sự trong giao tiếp, chiến lược giao tiếp... để gìn giữ và củng cố các quan hệ trong các bối cảnh giao tiếp khác nhau, đặc biệt là với cộng đồng nói tiếng Hàn, và tạo dựng sự ủng hộ và tín nhiệm của cộng đồng xã hội theo cách có lợi nhất đối với công việc của mình.


- Giao tiếp được bằng ngoại ngữ tiếng Hàn ở trình độ C1 tương đương với bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam (TOPIK cấp 5/6).

Ngoài ra, học viên còn có khả năng giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác ở trình độ tương đương B1.

2.2.4. Kỹ năng công nghệ thông tin:

- Sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu.

- Có kỹ năng tự tìm tòi và sử dụng các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu.

- Có khả năng tiếp cận với các nguồn số hoá, đơn phương (web) và 2 chiều (email), giao tiếp từ xa... 

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Tự tin, linh hoạt, sẵn sàng đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và qui định về đạo đức; can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi.

- Có tinh thần dám nghĩ dám làm, tự tìm tòi sáng tạo trong việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu mới.

- Hiểu biết về tác động của các hành vi của bản thân đối với các thành viên của cộng đồng nghiên cứu

- Biết lắng nghe, trao, nhận phản hồi của các thành viên trong cộng đồng nghiên cứu.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy; hành vi chuyên nghiệp, tự tôn dân tộc; say mê trong công việc, tích cực khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn.

- Biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác và cộng tác có hiệu quả với đồng nghiệp;

- Trung thực trong quá trình thu thập, xử lý và công bố dữ liệu, số liệu nghiên cứu.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Xác định được trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của một công dân; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống



và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước; có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học.

- Tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.

4. Về năng lực

4.1. Những vị trí công tác học viên tốt nghiệp có thể đảm nhận

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng nghiên cứu có thể đảm nhận các vị trí công tác tại các cơ quan, Viện nghiên cứu về các vấn đề có liên quan đến Ngôn ngữ Hàn Quốc như:

- Cán bộ, nghiên cứu viên thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ học, Ngôn ngữ học ứng dụng, Hàn Quốc học... Đặc biệt, học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo này có năng lực và điều kiện tốt để học tập và nghiên cứu ở bậc cao hơn và đảm nhận các nhiệm vụ công tác chuyên sâu hơn, có khả năng thành lập nhóm nghiên cứu chuyên sâu, phát triển các hướng nghiên cứu mới mẻ và độc lập.

- Giáo viên tiếng Hàn giảng dạy ở các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp; giảng viên tiếng Hàn tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Hàn chuyên ngành tại các học viện các trường đại học và cao đẳng không chuyên; v.v...

- Biên dịch, phiên dịch viên tiếng Hàn tại các đơn vị doanh nghiệp hoặc hành chính sự nghiệp trong và ngoài nhà nước; chuyên gia tư vấn thiết kế chương trình dịch thuật tự động; vận hành các trung tâm dịch thuật tiếng Hàn.

4.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Học viên tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc định hướng nghiên cứu có khả năng bắt kịp những tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong chuyên môn; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên môn và đảm nhận nhiệm vụ nghiên cứu tiếng Hàn vì những mục đích khoa học và ứng dụng chuyên biệt thuộc lĩnh vực Ngôn ngữ học nói chung và lĩnh vực Ngôn ngữ và văn hóa tiếng Hàn nói riêng.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc, học viên có cơ hội tham gia các chương trình học tập, nâng cao trình độ ngắn và dài hạn tại Hàn Quốc; có cơ hội tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ các chuyên ngành đúng, phù hợp hoặc gần theo quy định hiện hành.



6. Tài liệu tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo

1) Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Hàn Quốc của Đại học Seoul, Hàn Quốc. (<http://snu.ac.kr>)

2) Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Hàn Quốc của Đại học Yonsei, Hàn Quốc. (<http://yonsei.ac.kr>)

3) Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Hàn Quốc của Đại học KyungHee, Hàn Quốc. (<http://khu.ac.kr>)

4) Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Hàn Quốc của Đại học Mejiro, Nhật Bản. (<http://mejiro.ac.jp>)

5) Chương trình đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Hàn Quốc của Đại học Chulalongkorn, Thái Lan. (<http://grad.chula.ac.th>)

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	:	65 tín chỉ, trong đó:
- Khối kiến thức chung	:	08 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	:	42 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i>	:	<i>21</i> tín chỉ
+ <i>Lựa chọn</i>	:	<i>21/48</i> tín chỉ
- Luận văn	:	15 tín chỉ

2. Khung chương trình:

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung	8				
1.	PHI5002	Triết học (<i>Philosophy</i>)	4	(theo Quy định của ĐHQGHN)			

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
2.	ENG5001	Ngoại ngữ cơ bản (*) (<i>General Foreign Language</i>) Tiếng Anh cơ bản (<i>General English</i>)	4	30	30	0	
	RUS5001	Tiếng Nga cơ bản (<i>General Russian</i>)					
	FRE5001	Tiếng Pháp cơ bản (<i>General French</i>)					
	WES5001	Tiếng Đức cơ bản (<i>General German</i>)					
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	42				
II.1		Bắt buộc: 7 học phần	21				
3.	KOR6020	Ngôn ngữ học đại cương (<i>General Linguistics</i>)	3	38	05	02	
4.	KOR6007	Âm vị học tiếng Hàn (<i>Korean phonology</i>)	3	40	05	0	
5.	KOR6005	Những vấn đề cơ bản của Ngôn ngữ học đối chiếu (<i>The basics of Contrastive Linguistics</i>)	3	40	05	0	
6.	KOR6206	Từ và hoạt động của từ tiếng Hàn (<i>Korean word formation</i>)	3	38	05	02	
7.	KOR6008	Từ vựng học tiếng Hàn (<i>Korean lexicology</i>)	3	40	05	0	
8.	KOR6009	Cú pháp học tiếng Hàn (<i>Korean syntax</i>)	3	40	05	0	
9.	KOR6015	Phương pháp nghiên cứu (<i>Foreign Language research methods</i>)	3	35	10	0	
II.2		Tự chọn: tự chọn 7 học phần	21/48				
10.	KOR6010	Ngữ nghĩa học tiếng Hàn (<i>Semantics (Korean)</i>)	3	40	05	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
11.	KOR6013	Những vấn đề cơ bản của Ngôn ngữ học xã hội (<i>Fundamentals of sociolinguistics</i>)	3	35	08	02	
12.	KOR6202	Giao tiếp liên văn hóa Hàn - Việt (<i>Korea – Vietnam Intercultural Communication</i>)	3	35	10	0	
13.	KOR6014	Ngôn ngữ và văn hoá (<i>Language and Culture</i>)	3	40	05	0	
14.	KOR6208	Những vấn đề về ngữ pháp tiếng Hàn (<i>Some issues on the Korean grammar</i>)	3	40	05	0	
15.	KOR6025	Lịch sử Hàn Quốc hiện đại (<i>Modern Korean History</i>)	3	38	05	02	
16.	KOR6024	Đặc điểm từ Hán trong tiếng Hàn (<i>Characteristics of Chinese words in Korean</i>)	3	35	08	02	
17.	KOR6019	Lịch sử tiếng Hàn (<i>The History of Korean Language</i>)	3	38	05	02	
18.	KOR6204	Các hướng nghiên cứu chính về Ngữ dụng học tiếng Hàn (<i>Topics in Korean pragmatics</i>)	3	40	05	0	
19.	KOR6205	Thành ngữ, tục ngữ tiếng Hàn (<i>Idioms and proverbs in Korean</i>)	3	40	05	0	
20.	KOR6004	Phương pháp viết luận văn (<i>Guide to writing a dissertation</i>)	3	35	10	0	
21.	KOR6017	Xã hội Hàn Quốc hiện đại (<i>Modern Korean society</i>)	3	38	05	02	
22.	KOR6026	Đối chiếu thuật ngữ Ngôn ngữ học tiếng Hàn, tiếng Việt (<i>A contrastive analysis of Vietnamese and Korean linguistic terms</i>)	3	35	10	0	
23.	KOR6016	Ngôn ngữ và dịch thuật (<i>Language and Translation</i>)	3	40	05	0	

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
24.	KOR6032	Văn học Hàn Quốc hiện đại (<i>Modern Korean Literature</i>)	3	40	05	0	
25.	ENG6001	Ngoại ngữ học thuật (Tiếng Anh) (<i>Foreign Language for Academic Purposes</i>)	3	15	15	15	
III	KOR7202	Luận văn thạc sĩ	15				
		Tổng cộng	65				

*** Ghi chú:**

Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo. ✓

